

- Vui vẻ, thân thiện.
 - Tự tin.
- b) Khi nhận xét phần trình bày của nhóm bạn.
- Nhận xét về nội dung, nếu thiếu thì bổ sung.
 - Nhận xét về ngôn ngữ của người trình bày (nói to, rõ ràng, ...), thái độ, tác phong của người trình bày.
- c) Nên để HS sáng tạo, các em có thể làm theo các phát thanh viên của truyền hình (Ví dụ: Xin chào các bạn, tôi là Ngọc Mai của chương trình Dự báo thời tiết lớp 3C, ...).

CÙNG CỐ

GV và HS chia sẻ những hiểu biết về các địa phương trong mục thời tiết.

ÔN TẬP HỌC KÌ 1

(9 tiết)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

- Ôn tập các số trong phạm vi 1 000.
Giá trị các chữ số theo hàng; đọc, viết số; cấu tạo thập phân của số.
Hệ thống hoá các cách so sánh số: So sánh theo các hàng, dựa vào thứ tự số trên tia số.
Ước lượng, làm tròn số, số liền trước, số liền sau.
 - Ôn tập tìm các phần bằng nhau.
 - Ôn tập các phép tính (cộng, trừ, nhân, chia) trong phạm vi 1 000.
Ý nghĩa phép tính; tính nhẩm, tính viết; mối quan hệ giữa phép cộng và phép trừ, giữa phép nhân và phép chia để tìm kết quả và tìm thành phần chưa biết trong phép tính.
Các quan hệ gấp, giảm.
Giải quyết vấn đề đơn giản liên quan đến phép tính.
 - Ôn tập hình học và đo lường.
Hệ thống các kiến thức về các hình đã học, vẽ hình, xếp hình.
Hệ thống các đơn vị đo độ dài, giải quyết vấn đề đơn giản liên quan đến độ dài.
Xem giờ, đọc nhiệt kế.
 - Ôn tập thống kê và xác suất:
Hệ thống các kiến thức về thu thập, phân loại, kiểm đếm, biểu đồ tranh, cách sử dụng các thuật ngữ: có thể, chắc chắn, không thể.
- 2. Năng lực chú trọng:** tư duy và lập luận toán học; mô hình hoá toán học; giao tiếp toán học; sử dụng công cụ, phương tiện học toán; giải quyết vấn đề toán học.
- 3. Tích hợp:** Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội, Tiếng Việt.
- Phẩm chất:** yêu nước, chăm chỉ, trách nhiệm.

B. Thiết bị dạy học

GV: Hình vẽ cho các bài tập (nếu cần), bộ đồ dùng dạy toán.

HS: Thước thẳng, com-pa, mô hình đồng hồ, bộ xếp hình, đồ dùng cho mục Thử thách.

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

KHỞI ĐỘNG

GV cho HS hát múa.

LUYỆN TẬP

ÔN TẬP CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 1000

Bài 1:

a) HS **đọc** số.

b) HS **viết** số.

c) **Viết** số thành tổng.

– Khi sửa bài, khuyến khích HS **giải thích** cách làm.

GV hỏi để hệ thống lại cấu tạo thập phân của số (số trăm, số chục và số đơn vị).

Bài 2:

– Nhóm hai HS **tim hiểu** bài, **nhận biết** yêu cầu.

a) So sánh số (dùng các dấu $>$, $<$, $=$).

b) Sắp xếp bốn số theo thứ tự từ bé đến lớn.

c) Xác định số lớn nhất, bé nhất.

– Khi sửa bài, khuyến khích HS **giải thích** cách làm.

– GV hệ thống hoá cách so sánh các số trong phạm vi 1 000.

- Số có một, hai chữ số bé hơn số có ba chữ số.

- So sánh các số có ba chữ số: So sánh từ trái sang phải.

- + Số nào có số trăm lớn hơn thì số đó lớn hơn.

- + Nếu số trăm bằng nhau, số nào có số chục lớn hơn thì số đó lớn hơn.

- + Nếu số chục bằng nhau, số nào có số đơn vị lớn hơn thì số đó lớn hơn.

Bài 3:

– Nhóm hai HS **tim hiểu** bài, **nhận biết** yêu cầu của bài: hình đã tô màu $\frac{1}{2}$.

HS **quan sát** hình và cho biết: Đây là hình gì? Được chia thành mấy phần bằng nhau? Tô màu mấy phần?

– GV giúp HS **nhận biết** các việc cần làm:

1. Xác định hình được chia thành mấy phần bằng nhau.

2. Tô màu mấy phần?

– Khi sửa bài, khuyến khích HS **giải thích** tại sao chọn đáp án đó.

Thử thách

- **Tim hiểu** bài.

Yêu cầu của bài: **Màu gì?**

- HS (nhóm bốn) **thảo luận, nhận biết** các việc cần làm.

GV có thể gợi ý: có thể xuất phát từ màu để biết phần tô màu đó là một phần mấy.

• Hình dung có một số miếng bìa màu xanh (gồm 2 ô vuông), nếu lấy những miếng bìa đó xếp kín hình chữ nhật thì cần mấy miếng? (6 miếng).

Như vậy phần tô màu xanh chiếm mấy phần hình chữ nhật? ($\frac{1}{6}$)

• Bốn ô màu hồng nếu xếp thành hàng ngang thì sao? (vừa đúng một hàng của hình chữ nhật)

Hình chữ nhật được chia thành mấy hàng bằng nhau? (3 hàng)

Tô màu hồng mấy hàng? (1 hàng)

Vậy phần màu hồng biểu thị mấy phần của hình chữ nhật? ($\frac{1}{3}$)

Nếu xếp các ô màu vàng sang một bên thì sao? (Khi đó hình chữ nhật được chia thành hai phần bằng nhau, tô màu vàng một phần – ta được $\frac{1}{2}$.)

Vậy: Đã tô $\frac{1}{6}$ số ô vuông bằng màu xanh.

Đã tô $\frac{1}{3}$ số ô vuông bằng màu hồng.

Đã tô $\frac{1}{2}$ số ô vuông bằng màu vàng.

Bài 4:

- HS nhóm đôi **tim hiểu** bài, **nhận biết** cần "làm tròn số" theo yêu cầu.

- HS **thực hiện** rồi nói kết quả.

- Khi sửa bài, GV khuyến khích HS trình bày cách làm tròn.

- Khi **làm tròn số đến hàng chục**: Ta quan sát chữ số **hàng đơn vị**.

• Nếu chữ số hàng đơn vị là 1, 2, 3, 4:

Chữ số hàng chục giữ nguyên.

Chữ số hàng đơn vị thay bởi chữ số 0.

• Nếu chữ số hàng đơn vị là 5, 6, 7, 8, 9

Chữ số hàng chục cộng thêm 1.

Chữ số hàng đơn vị thay bởi chữ số 0.

- Khi **làm tròn số đến hàng trăm**: Ta quan sát chữ số **hàng chục**.

• Nếu chữ số hàng chục là 1, 2, 3, 4:

Chữ số hàng trăm giữ nguyên.

Các chữ số hàng chục và hàng đơn vị thay bởi các chữ số 0 (tận cùng 00).

• Nếu chữ số hàng chục là 5, 6, 7, 8, 9:

Chữ số hàng trăm cộng thêm 1.

Các chữ số hàng chục và hàng đơn vị thay bởi các chữ số 0 (tận cùng 00).

Khám phá

– **Tim hiểu** bài.

Yêu cầu của bài: **làm tròn số** đến hàng trăm.

– HS thực hiện.

– Khi sửa bài, khuyến khích HS **giải thích** cách làm.

GV có thể cho HS xem hình bên để hình dung sự “khổng lồ” của con mực.



Bài 5:

GV lưu ý HS tự xác định yêu cầu để làm bài và tự kiểm tra sau khi làm xong.

– **Xác định** yêu cầu của bài (tim số theo yêu cầu).

– **Kiểm tra** các số tìm được có đúng theo yêu cầu chưa.

– Khi sửa bài, khuyến khích HS **giải thích** tại sao chọn các số đó.

– GV hệ thống hoá giá trị chữ số, số liền trước – số liền sau, số tròn chục, cách làm tròn số.

Lưu ý: câu d) có nhiều đáp án: các số từ 25 đến 34.

Bài 6:

– HS nhóm đôi **tim hiểu** bài, **nhận biết** yêu cầu “ước lượng – đếm” số mảnh ghép theo nhóm.

– HS **thực hiện** rồi nói kết quả.

– Khi sửa bài, HS trình bày cách làm.

GV khuyến khích HS vừa nói vừa thao tác trên hình vẽ được GV treo trên bảng lớp:

Có 6 hàng, mỗi hàng có khoảng 10 mảnh ghép. Em đếm: 10, 20, 30, 40, 50, 60.

Có khoảng 60 mảnh ghép.

Đếm: Có 61 mảnh ghép.

Vui học

Trò chơi: Bảng nhân và thú cưng

– HS nhóm đôi **tim hiểu** bài, **nhận biết** yêu cầu “đếm số thứ tự từ 1 đến 40” (đọc các số là tích trong bảng nhân 4 thì đọc số kèm theo tiếng kêu của một con vật em thích).

Lưu ý: GV có thể cho các nhóm bốc thăm, mỗi nhóm một bảng nhân khác nhau.

ÔN TẬP CÁC PHÉP TÍNH

Bài 1:

– HS thực hiện nhóm đôi: chọn từ thích hợp thay cho dấu ? rồi nói cho bạn nghe.

a) tổng; b) hiệu; c) hiệu.

– Sửa bài, GV khuyến khích HS nhìn vào hình vẽ và nêu cách xác định phép tính.

Bài 2:

Tương tự Bài 1.

– HS thực hiện nhóm đôi: chọn từ thích hợp thay cho dấu ? rồi nói cho bạn nghe.

a) tích; b) thương; c) thương.

– Sửa bài, GV khuyến khích HS nhìn vào hình vẽ và nêu cách xác định phép tính.

- GV có thể vận dụng phương pháp nhóm các mảnh ghép tổ chức cho HS thực hiện đồng thời Bài 1 và Bài 2

Bài 3:

- Nhóm hai HS **tim hiểu bài, nhận biết:**

- Yêu cầu của bài: **Số?**.

- Khi sửa bài, khuyến khích HS **giải thích** tại sao điền như vậy.

a)

Số học sinh khối lớp 2	245
Số học sinh khối lớp 3	280
Số học sinh cả hai khối	525
Số học sinh khối 2 ít hơn khối 3	35

b)

Số học sinh của lớp	34
Số học sinh ở 1 bàn	2
Số học sinh ở 8 bàn	16
Số học sinh ở 17 bàn	34

GV hệ thống hoá các cách làm.

Bài 4:

- Nhóm hai HS **tim hiểu bài, nhận biết:**

- Yêu cầu của bài: **Số?**.
- Tìm thế nào? Dựa vào hình vẽ tóm tắt bài toán.



- Khi sửa bài, khuyến khích HS **giải thích** tại sao điền như vậy.

GV lưu ý HS dựa vào hình vẽ để kiểm tra kết quả.

Bài 5:

- HS xác định cái đã cho và câu hỏi của bài toán, xác định các việc cần làm: **chọn cặp số phù hợp** (cả hai yêu cầu).

- HS **làm** bài nhóm đôi.

- Sửa bài: GV khuyến khích nhiều nhóm trình bày bài giải (có giải thích cách làm).

- Số lớn gấp số bé 3 lần (6 và 2, 12 và 4).
- Số lớn hơn số bé 8 đơn vị (trong hai cặp số trên, 12 và 4 là thoả mãn).

Bài 6:

- HS xác định yêu cầu của bài: **Tính nhẩm**.

- HS **làm** bài cá nhân, chia sẻ với bạn.

- Sửa bài: GV có thể cho HS chơi "Chuyển thư" để đọc kết quả phép tính (mỗi HS / phép tính).

Bài 7:

- HS xác định yêu cầu của bài: **Đặt tính rồi tính**.

- HS **làm** bài cá nhân, chia sẻ với bạn.

- Sửa bài: GV có thể cho HS lên bảng lớp sửa (mỗi HS / phép tính).

Lưu ý: GV có thể đọc từng phép tính cho HS thực hiện vào bảng con.

Bài 8:

– HS xác định cái đã cho và câu hỏi của bài toán, xác định các việc cần làm: **Điền số thích hợp**.

– HS **làm** bài cá nhân.

– Sửa bài: GV khuyến khích nhiều nhóm **trình bày** bài giải (có **giải thích** cách làm: tìm số hạng, thừa số chưa biết, số bị chia thông qua các thành phần đã biết).

Ví dụ: Lấy tổng (970) trừ đi số hạng đã biết (610) ta tìm được số hạng chưa biết (360).

Nếu HS quên quy tắc, GV hướng dẫn các em dùng một phép tính đơn giản để nhớ lại cách làm (xem bài Chia số có hai chữ số cho số có một chữ số, trang 55).

Bài 9:

– HS **nhận biết** yêu cầu của bài: **Tính**.

– HS **làm** bài cá nhân.

– Sửa bài: GV khuyến khích nhiều nhóm **trình bày** (có **giải thích** cách làm: thứ tự thực hiện phép tính).

Ví dụ: a) Biểu thức chỉ có phép tính +; – → Thực hiện theo thứ tự từ trái sang phải.

...

Bài 10:

– HS **xác định** yêu cầu của bài: **Chọn ý đúng**.

– HS **làm** bài cá nhân (hoặc GV trình chiếu câu hỏi lên, cả lớp xem, chọn đáp án, ghi vào bảng con).

– Sửa bài: GV khuyến khích HS **giải thích** tại sao chọn đáp án đó.

Bài 11:

– HS xác định cái đã cho và câu hỏi của bài toán, xác định các việc cần làm: **Giải bài toán**.

– HS **làm** bài cá nhân.

– Sửa bài: GV khuyến khích nhiều nhóm **trình bày bài giải** (có **giải thích** cách làm).

Bài giải

$$52 : 2 = 26$$

Lớp em sẽ tặng 26 túi quà.

$$26 \times 5 = 130$$

Lớp em cần có 130 quyển vở.

Vui học

– HS nhóm đôi **tìm hiểu** bài, **nhận biết** yêu cầu “nói phép nhân” (trong bảng).

Củng cố các bảng nhân.

ÔN TẬP HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG**Bài 1:**

– Nhóm hai HS **tìm hiểu** bài, **nhận biết** yêu cầu và **thực hiện**: Gọi tên hình.

– Khi sửa bài, GV giúp HS hệ thống hoá:

- Phân loại hình phẳng, hình khối.
- Hình khối: số mặt, cạnh, đỉnh của khối lập phương, khối hộp chữ nhật.

- Hình phẳng: số cạnh, đỉnh của hình tam giác, hình tứ giác, hình vuông, hình chữ nhật.

Bài 2:

– Nhóm hai HS **tim hiểu** bài, **nhận biết** yêu cầu của bài: **vẽ hình** (vẽ chú gà con từ hình tròn).

– Khi sửa bài, GV khuyến khích HS **gắn hình trên bảng lớp cho các bạn xem** (mỗi nhóm / yêu cầu).

GV giúp HS hệ thống hoá:

- Cách vẽ hình tròn.
- Các yếu tố cơ bản của hình tròn (tâm, bán kính, đường kính).

Bài 3:

– Nhóm hai HS **tim hiểu** bài, **nhận biết** yêu cầu và thực hiện.

– HS làm bài cá nhân rồi chia sẻ với bạn.

– Khi sửa bài, khuyến khích HS **giải thích** tại sao diễn như vậy.

Bài 4:

– Nhóm hai HS **tim hiểu** bài, **nhận biết** yêu cầu và thực hiện.

– Khi sửa bài, khuyến khích HS **giải thích** tại sao chọn đơn vị đo như vậy.

GV giúp HS:

- Ôn tập lại bảng đơn vị đo độ dài, chẳng hạn:

HS viết vào bảng con và **nói** mối quan hệ giữa các đơn vị.



- Ôn tập về độ lớn của các đơn vị.

+ 1 km → Khoảng cách từ cổng trường đến một địa điểm cụ thể nào đó.

+ 1 m → Chứa bằng một sai tay em hoặc từ mặt đất đến tai em.

+ 1 dm → Chứa bằng một gang tay em (gang tay em dài bao nhiêu xăng-ti-mét?).

+ 1 cm → Chứa bằng một đốt ngón tay em (đốt ngón tay trở của tay em dài bao nhiêu xăng-ti-mét?).

+ 1 mm → Nghĩ tới hạt gạo (hạt gạo dài khoảng mấy mi-li-mét?).

Khám phá

– HS **quan sát** các hình ảnh, **nhận biết** nhiệm vụ cần làm (qua lời bạn Ong). GV có thể gợi ý cho HS tìm chiều cao toà nhà trước rồi mới so sánh với tổ mối.

– HS **thảo luận** và **làm bài**.

– Sửa bài: GV khuyến khích HS **trình bày** các bước tính trên bảng lớp.

$$360 \text{ cm} \times 2 = 720 \text{ cm}$$

$$720 \text{ cm} + 200 \text{ cm} = 920 \text{ cm}$$

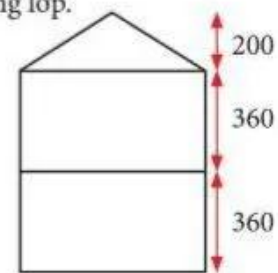
Toà nhà này cao 920 cm (chỉ yêu cầu nói).

$$9 \text{ m} = 900 \text{ cm}$$

Tổ mối cao gần bằng toà nhà hai tầng.

Lưu ý: GV có thể vẽ phác toà nhà như hình bên

để HS nhận biết chiều cao của mái nhà.



Bài 5:

– Tìm hiểu đề bài: **nhận biết** yêu cầu, **xác định** nhiệm vụ.

Đồng hồ **cuối cùng** (thứ năm) chỉ mấy **giờ**?

– Tìm cách làm: HS thảo luận (nhóm bốn).

HS **viết** giờ bốn đồng hồ theo thứ tự:

2 giờ **42** phút; 2 giờ **47** phút; 2 giờ **52** phút; 2 giờ **57** phút.

HS **nhận biết**: đếm thêm 5 phút.

Làm bài: HS làm bài cá nhân.

Kiểm tra: HS chia sẻ trong nhóm để kiểm tra lại kết quả.

– Sửa bài: GV gọi vài em **đọc** kết quả, **nói** cách làm.

* GV chốt: HS có thể có cách làm khác nhau, lí luận đúng để tìm được kết quả đúng thì chấp nhận.

Đồng hồ cuối cùng chỉ **3 giờ 2 phút**.

Bài 6:

– HS tự **tìm hiểu** và **làm bài**.

– Khi sửa bài, GV có thể tổ chức cho HS tiếp sức: ghép nhiệt kế với hình vẽ thích hợp

* Mở rộng: Trang phục và sinh hoạt phù hợp thời tiết.

Bài 7:

– GV có thể cho HS thực hiện theo nhóm bốn: mỗi HS xếp một con.

– Khi đã xếp xong, khuyến khích các em **tưởng tượng** và **mô tả**.

Ví dụ: Mặt, chân con lạc đà là hình tam giác, cổ là hình tứ giác, ...

Lưu ý: Với các nhóm HS hoàn thành sớm, các em có thể tưởng tượng và xếp một con vật theo ý thích.

ÔN TẬP THỐNG KÊ CÓ THỂ, CHẮC CHẮN, KHÔNG THỂ

Bài 1: Thu thập, phân loại, kiểm đếm. Đọc và nêu nhận xét đơn giản từ biểu đồ tranh

a) Thu thập, phân loại, kiểm đếm

• Thu thập

GV giới thiệu: Tìm hiểu về các dụng cụ vẽ tranh của bạn Lâm, người ta thu thập, phân loại, kiểm đếm và thể hiện qua biểu đồ tranh trong SGK trang 94.

• **Đọc và nêu nhận xét đơn giản từ biểu đồ tranh**

– HS (nhóm đôi) xem biểu đồ và trả lời các câu hỏi (HS nói cho nhau nghe).

– Sửa bài, HS giải thích các câu trả lời.

Chỉ cần nhìn vào sơ đồ, ta thấy ngay:

Số bút sáp nhiều hơn số bút chì 10 cái (Yêu cầu HS chỉ vào phần nhiều hơn), số bút chì ít hơn số bút sáp 10 cái.

Số bút sáp gấp 6 lần số bút chì ($12 : 2 = 6$).

Số bút chì bằng một phần sáu số bút sáp.

Số bút chì và số cục tẩy bằng nhau

Bút sáp nhiều nhất. Dụng cụ gọt bút chì ít nhất.

...

– Sửa bài: GV khuyến khích nhiều nhóm trình bày (có thao tác trên bảng lớp để **minh họa**).

Bài 2:

– Nhóm hai HS **tim hiểu** bài, **nhận biết**:

Yêu cầu của bài: **chọn** từ thích hợp điền vào chỗ trống.

– Khi sửa bài, khuyến khích HS **giải thích** tại sao điền như vậy, chẳng hạn:

a) **không thể** có xe đồ chơi (vì các món đồ chơi chỉ có ba con thú bông chó, thỏ và mèo).

b) **chắc chắn** có một thú bông (vì tất cả đều là thú bông).

c) **có thể** có thỏ bông (vì trong ba con thú bông, có một con thỏ).

THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM (2 tiết)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

– Ôn tập về đo lường: ước lượng và đo chiều dài.

2. **Năng lực chủ trọng:** sử dụng công cụ, phương tiện học toán; giao tiếp toán học.

3. **Tích hợp:** Toán học và cuộc sống.

Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

B. Thiết bị dạy học

GV: Thước mét.

HS: Thước dây (nếu cần).

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

KHỞ ĐỘNG

HS múa hát.

THỰC HÀNH

GV vấn đáp: ôn lại cách ước lượng và đo chiều dài một vật bằng bước chân.

HS thực hiện theo tổ và ghi chép lại.

1. Một bước chân dài $.?$ cm.

2. Khoảng $.?$ bước chân của em thì được 1 m.

3. GV phân công theo tổ: đo chiều dài, chiều rộng của phòng học. (GV có thể phân công hai tổ chung một nhiệm vụ để có kết quả so sánh.)

HS trình bày trước lớp (câu 1 và câu 2 chấp nhận kết quả khác nhau; câu 3 kết quả ước lượng về bước chân có thể khác nhau, nhưng kết quả số đo mét phải giống nhau khi cùng đo chiều rộng hay chiều dài lớp học).